

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 28/01/2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Thanh Bình.

2/ Bà Phạm Hồng Gái.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị C**, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Hòa, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

Bị đơn: Anh **Quách Văn K**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Bình, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Thị C** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Thị C** và anh **Quách Văn K** sau thời gian tự tìm hiểu, yêu thương nhau thì bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, anh chị không tổ chức lễ cưới. Đến ngày 29/3/2008 chị **C** có đến UBND xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang để kê khai đăng ký kết hôn, sau khi được UBND xã

Minh Hòa ký xác nhận chị Thị C độc thân thì chị C mang tờ khai đăng ký kết hôn về nhà cất giữ mà không đi đăng ký kết hôn theo quy định nên chị và anh K không được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2010 thì giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện tại chị C và anh K đã ly thân hơn 10 năm nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Quách Văn K.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị Thị C xác định chị và anh K có hai người con chung tên Quách Thanh V, sinh năm 2001 và Quách Thành Đ, sinh năm 2006. Hiện cháu V đang sống cùng chị Thị C, còn cháu Đ đang sống cùng anh K. Ly hôn chị Thị C đồng ý giao cháu Đ cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu V đã trưởng thành nên chị Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Thị C xác nhận quá trình chung sống chị và anh K không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án anh Quách Văn K trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Thị C bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Ngày 29/3/2008 chị Thị C có đến UBND xã Minh Hòa xác nhận là độc thân nhưng do không am hiểu pháp luật nên anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2010 cho đến nay anh chị đã ly thân với nhau. Nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị Thị C không thể hàn gắn được nữa nên anh K cũng đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Anh K xác định anh và chị Thị C có hai người con chung như chị Thị C khai là đúng. Hiện cháu V đang sống cùng chị C, cháu Đ đang sống cùng anh. Ly hôn chị C đồng ý giao cháu Đ cho anh tiếp tục nuôi dưỡng thì anh đồng ý, anh K không yêu cầu cấp dưỡng, còn cháu V đã trưởng thành anh K cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh K xác nhận anh và chị C không có tài sản chung, không có nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị Thị C và anh Quách Văn K là quan hệ vợ chồng; Giao con cháu Quách Thành Đ, sinh năm 2006 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với cháu Quách Thanh V, sinh năm 2001 do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét. Về cấp dưỡng nuôi con do anh K không yêu cầu nên chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị Thị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn chị Thị C yêu cầu được ly hôn với anh Quách Văn K. Anh K cư trú tại ấp Sơn Bình, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Quách Văn K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Thị C và anh Quách Văn K đều trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, chị Thị C có kê khai đăng ký kết hôn (xác nhận tình trạng hôn nhân) tại Ủy ban nhân dân xã Minh Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 29/3/2008, tuy nhiên sau đó anh chị không thực hiện thủ tục đăng ký kết và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Xét thấy chị C và anh K chung sống với nhau từ năm 2000. Mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do

đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị C và anh K là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Chị Thị C và anh K đều xác nhận quá trình chung sống anh chị có 02 người con chung tên Quách Thanh V, sinh năm 2001 và Quách Thành Đ, sinh năm 2006. Hiện cháu V đã trưởng thành và các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét. Đối với cháu Đ hiện đang do anh K chăm sóc nuôi dưỡng, tại phiên tòa chị C đồng ý giao cháu Đ cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, anh K cũng đồng ý và việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh K không yêu cầu nên chị Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị C và anh K đều xác nhận là không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[5] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 232, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, khoản 3 Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Thị C và anh Quách Văn K là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Quách Thành Đ, sinh ngày 21/3/2006, cho anh Quách Văn K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh K không yêu cầu.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh K nuôi con, chị Thị C được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001404 ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Thị C không phải nộp thêm, anh Quách Văn K không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền Kng cáo: Báo cho các đương sự có quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh K được quyền Kng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Diệp

